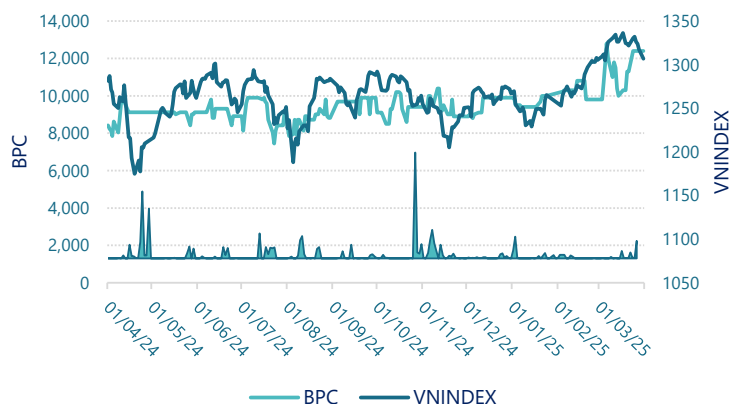


CTCP VICEM Bao bì Bim Sơn (HNX: BPC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,446
SL cổ phiếu LH	3,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
P/E	38.1
EPS	325

DT thuần

Q1/25

58.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.7 | -28.0%

YoY: ▼0.10 | -0.1%

LN sau thuế

Q1/25

0.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.31 | -80.3%

YoY: ▲ 0.12 | 250%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.1%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2024

269

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0 | 18.1%

LN sau thuế

2024

1.10

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.03 | -2.7%

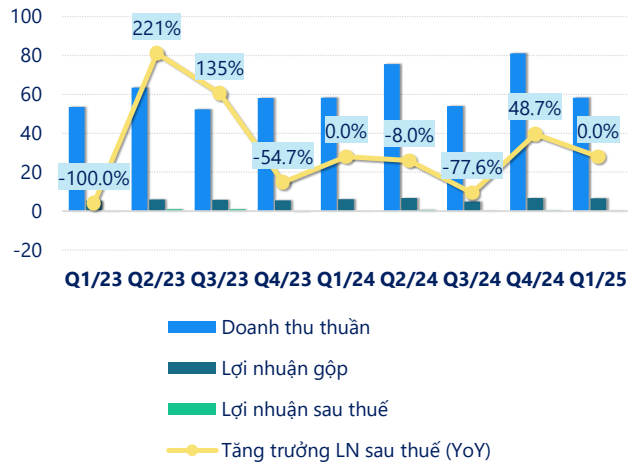
ROE

2024

1.2%

tỷ VNĐ

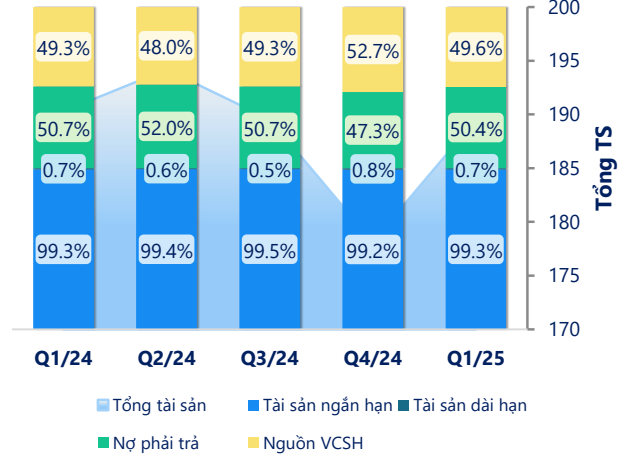
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

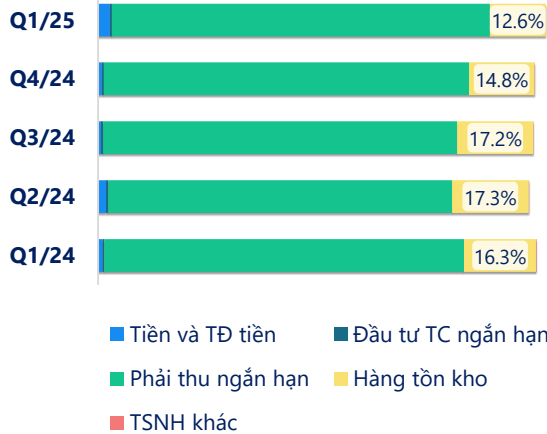
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



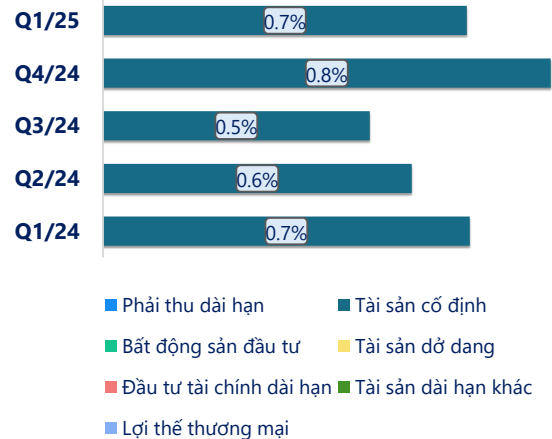
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

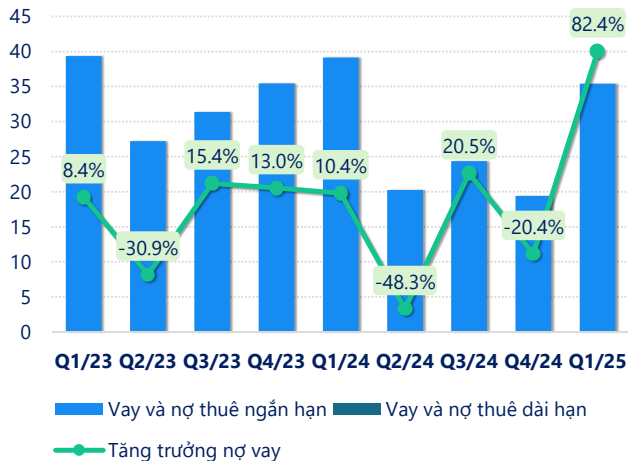
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

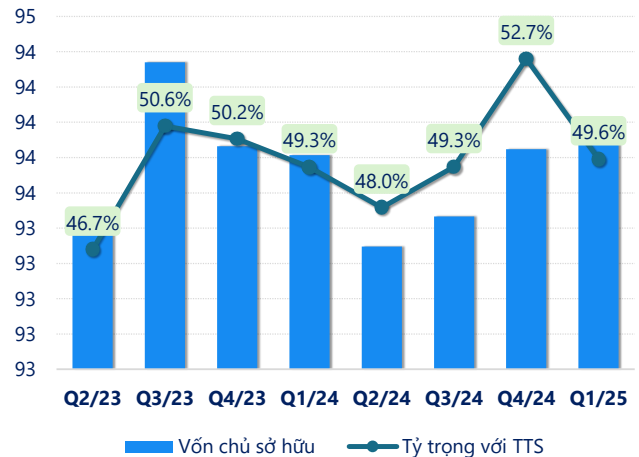
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

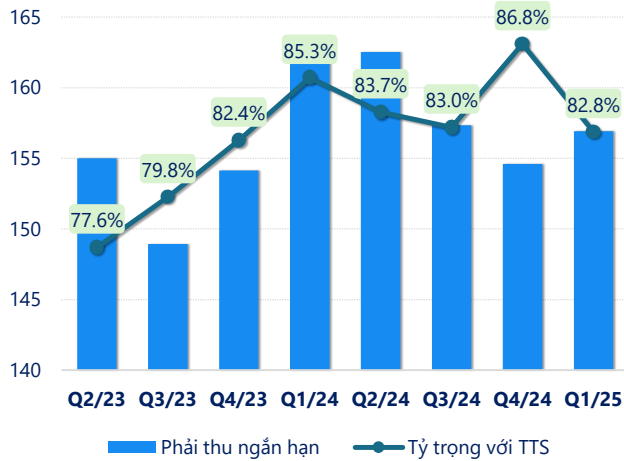
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



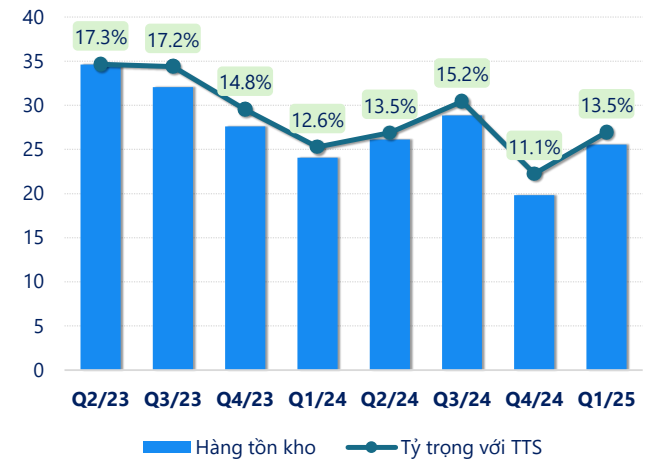
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


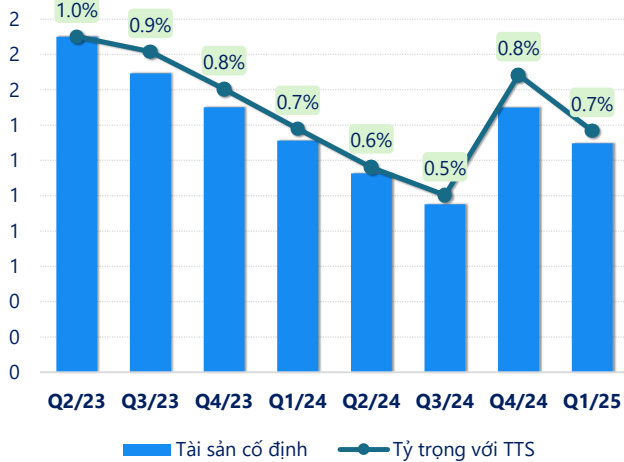
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


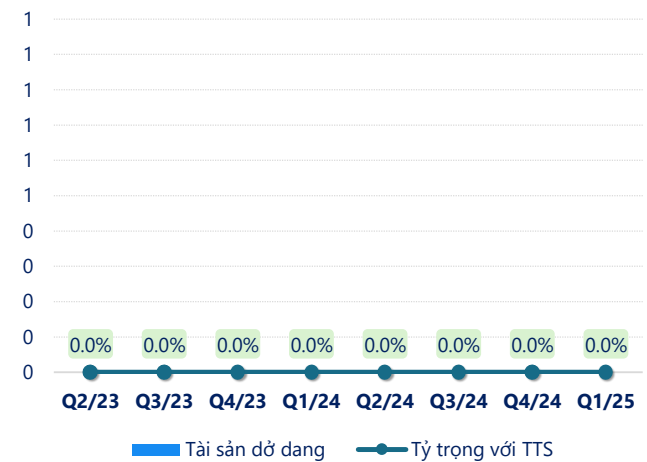
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

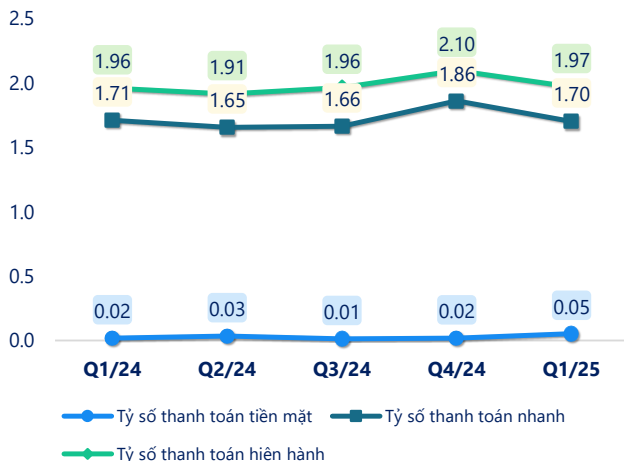
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

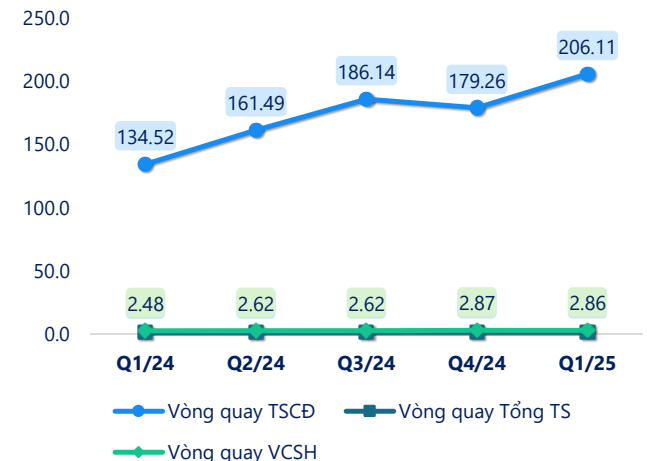
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	190	194	190	178	190
Tài sản ngắn hạn	189	193	189	177	188
Tiền và tương đương tiền	1.79	3.48	1.23	1.48	5.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.90	0.79	0.79	0.69	0.69
Phải thu ngắn hạn	162	163	157	155	157
Hàng tồn kho	24.1	26.1	28.9	19.8	25.5
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.15	0.40	0.06	0
Tài sản dài hạn	1.31	1.13	0.95	1.50	1.30
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1.31	1.13	0.95	1.50	1.30
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	96.5	101	96.1	84.3	95.6
Nợ ngắn hạn	96.5	101	96.1	84.3	95.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.1	20.2	24.4	19.4	35.4
Phải trả người bán ngắn hạn	49.3	68.6	61.6	53.5	50.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	93.8	93.3	93.5	93.8	93.9
Vốn chủ sở hữu	93.8	93.3	93.5	93.8	93.9
Vốn điều lệ	38.0	38.0	38.0	38.0	38.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)